

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28/8/2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Quốc

Bà Phạm PH

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2020 “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Phú Trên – PH – C – Bắc Ninh. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: T – PH – C – Bắc Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 14 tháng 11 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH – C – Bắc Ninh, sau ngày cưới chị và anh L về chung sống với nhau ngay, tình cảm ban đầu vợ chồng sống hòa thuận và hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 02 năm 2013, nguyên nhân là do quan điểm sống và làm ăn không hợp nhau anh L chơi bời không quan tâm vợ con. Đến Tháng 7 năm 2016 chị không chịu được đã về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ sống anh L cũng không hỏi thăm hay có ý kiến gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng với anh L không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung Nguyễn Thị Hiền K, sinh ngày 23/7/2013 hiện tại cháu đang ở với chị và vẫn khỏe mạnh bình thường. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Văn L nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa anh Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Tân là mẹ đẻ anh L. Bà Tân xác định sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh bà đã gửi và báo trực tiếp cho anh Nguyễn Văn L được biết việc chị Trần Thị H xin ly hôn với anh và việc Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh; Bà Tân cũng xác định là sau khi được bà giao các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện C về việc giải quyết vụ án xin ly hôn của chị H với anh thì anh L xác định việc kết hôn như chị H trình bày và mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, nay anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung anh L cũng xác định có 01 con chung Nguyễn Thị Hiền K, sinh ngày 23/7/2013 hiện tại cháu đang ở với chị H và vẫn khỏe mạnh bình thường. Nếu ly hôn chị H xin được nuôi cháu không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng đồng ý vì hiện tại anh L không có mặt ở địa phương; Về tài sản chung, anh L cũng xác định không có gì đề nghị Tòa án giải quyết; Bà Tân cũng cho biết anh L xác định anh đi làm ăn xa, không có địa chỉ cố định nên anh không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và chị H, anh cũng không về Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H được, anh đề nghị giải quyết vắng mặt anh.

Đại diện VKSND huyện C phát biểu ý kiến: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Tòa án cũng đã yêu cầu gia đình anh L cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho Tòa án nhưng gia đình anh chỉ thông báo cho anh mà không cung cấp địa chỉ nơi làm việc của anh nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hiền K, sinh ngày 23/7/2013

cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đòi hỏi với anh L, anh L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh L đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua chị H cung cấp và làm việc với gia đình anh L, căn cứ vào việc xác minh tại chính quyền địa phương đã xác định được bị đơn là anh Nguyễn Văn L vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã PH, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vẫn vắng mặt, không hợp tác. Tòa án cũng đã yêu cầu gia đình anh L cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L nhưng gia đình anh chỉ thông báo cho anh L biết mà không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho chị H và cho Tòa án, nên đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh L kết hôn từ ngày 14 tháng 11 năm 2012 có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH. Mâu thuẫn giữa chị H và anh L được xác định là do tính tình không hợp và những bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh L không có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng qua gia đình anh L cung cấp thì anh L cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Do đó cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung Nguyễn Thị Hiền K, sinh ngày 23/7/2013 hiện đang sống cùng chị H đều, khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con xét thấy thực tế anh L không có mặt ở địa phương, gia đình anh L cũng cung cấp là anh L nhất trí với quan điểm của chị H. Nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; Cấp dưỡng nuôi con do anh L không có mặt ở địa phương nên chưa đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do chị H và phía anh L đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hiền K, sinh ngày 23/7/2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với anh L; anh L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001505 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án (hoặc niêm yết bản án)/.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục huyện C;
- Đường sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K Minh Phương

